

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+P11	7:25	15+7	0+0		14+8	0+0	Chuyen 1 P9- P11
2		P9+P2	7:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
3		KNT+KTRN	7:25	17+0	0+0		17+2	0+0	EC chuyen 1 KNT-KTRN
4		P10+P4+AMD	9:25	19+3+0	0+0+0		18+1+2	0+0+0	
5		TD2+BK3+P10	9:25	6+6+10	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
6		KNT+SAVR	9:25	5+9	0+0		8+10	0+0	EC
7		P11+BK4+P1	11:25	17+4	0+0		14+4+2	0+0	
8		BK10+P9	11:25	5+17	0+0		4+18	0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: VANG-1	TO: P9 - P11	CREW: HUNG - N.CUONG - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3340	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN THANH HAI	P9	55	1	12			62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HUNG	P9	45	1	15			82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO DUC MINH	P9	52	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN THANH HAI	P9	51	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG MANH THANG	P9	57	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NGOC THAN	P9	56	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
7	LE MINH THUY (15598)	P9	44	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
8	DOAN QUOC VIET	P9	46-47	2	11			93	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HIEU	P9	49-50	2	7			68	YTE	Vietnamese
10	HACINI ABDELHAMID	P9	42-43	2	13			65	THIEN NAM	Algeria
11	HAMZA REDJAI	P9	41	1	17			120	THIEN NAM	Algeria
12	ROBERT NAGLE	P9	60	1	7	1	18	92	THIEN NAM	New Zealand
13	PHAN DO CHAU TUAN	P9	54	1	16			107	KH-THAC	Vietnamese
14	LE MINH THUY (5406)	P9	48	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
15	TA TIEN MANH	P9	53	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI ANH SON	P11	69	1	2			69	KH-THAC	Vietnamese
17	DANG VAN TRONG	P11	73	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VIET DUNG	P11	67	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO DUY KHIEM	P11	71-72	2	15			74	YTE	Vietnamese
20	DANG TIEN TOAN	P11	74	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN THIEN THANH	P11	70	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
22	DANG VAN DUC	P11	68	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	15	1.206	18	142	1	18	14+1		CHUYEN 1 KHACH P9-P11
2	P11	7	493	8	48	0	0	8		
TOTAL		22	1.699	26	190	1	18	22		
WEIGHT KG			1.699		190		18			

GRAND TOAL: 1.907 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN PHUONG ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P9 - P2	CREW: VTHẮNG - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3343	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGÔ AN CHUNG	P9	15-16	2	12			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	P9	12	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ SĨ BÌNH	P9	39	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN BĂNG	P9	13	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH THUẬN	P9	14	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SƠN	P9	40	1	9			56	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ANH TŨ	P2	24-25	2	15			83	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ VĂN NGHỊ	P2	21-22	2	25			62	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG ĐÌNH QUẢN	P2	23	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
10	PHÙNG ANH TUẤN	P2	30	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN SŨU	P2	37	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2						66	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC LƯƠNG	P2	29	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN MINH XANH	P2	33	1	9			56	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN SƠN	P2	31	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGUYỄN HAI NINH	P2	26-27	2	9			86	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	32	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HIỀN TRƯỞNG	P2						68	KH-THAC	Vietnamese
19	HÀ VĂN TRUNG	P2	28	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN HỮU BAO	P2	38	1	9			96	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	34	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI NANG PHONG	P2	35-36	2	7			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	6	388	7	40	0	0	5		
2	P2	16	1.151	18	131	0	0	17		
TOTAL		22	1.539	25	171	0	0	22		
WEIGHT KG			1.539		171		0			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 01/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:40
B.CARD: XANH-1	TO:KNT - KTRN	CREW: MMINH - VUONG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3307	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BAGRAMOV A	KNT	67	1	15	2	15	104	KH-THAC	Russian
2	PHẠM THANH TÙNG	KNT	78-79	2	12			67	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG VĂN MẠNH	KNT	72-73	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC SANG	KNT	77	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO QUANG THIẾT	KNT	84	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG NHẬT THÀNH	KNT	89	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC HỌC	KNT	71	1	6			60	GETRACO	Vietnamese
8	ĐINH ANH DŨNG	KNT	69	1	7			71	GETRACO	Vietnamese
9	ĐINH VĂN HỮU	KNT	70	1	4			65	GETRACO	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN Y	KNT	68	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN BÁC	KNT	74	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HUYNH VŨ	KNT	75-76	2	11			59	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ THANH LAM	KNT	80-82	3	14			63	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẬU HUY HOANG	KNT	83	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	KNT	85-86	2	13			76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG THỰC	KNT	88	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NHÂN	KNT	87	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	17	1.197	23	138	2	15	17		CHUYEN 1 PAX KNT-KTRN
2	KTRN	0	0	0	0	2	13	2		
TOTAL		17	1.197	23	138	4	28	19		
WEIGHT KG			1.197		138		28			

GRAND TOAL: 1.363 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

MÀU MẠNH MINH
TRẦN HÙNG VƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P10 - P4 - AMD	CREW: HUNG - N.CUONG - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3341	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	K LỘC	P10	67	1	10	2	40	67	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ BAO AN	P10	64	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HẬU	P10	74	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH KHOA	P10	66	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10						81	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN THIÊM	P10	61	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	P10	54	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	P10	57	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	55-56	2	16			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN PHAN PHI	P10	71-73	3	15			63	YTE	Vietnamese
11	DU TRẦN HUNG	P10	62-63	2	20			76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	P10	58	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC BA	P10	53	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ BAO TRUNG	P10	75	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P10	52	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC THANH	P10	51	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	65	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	60	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	59	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN KHÁC THỊNH	P4	28	1	14	2	36	70	XAYLAP	Vietnamese
21	MAI VĂN LINH	P4	27	1	10			81	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN TRUNG KIẾN	P4						74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	19	1.380	22	145	2	40	18		
2	P4	3	225	2	24	2	36	1		
3	AMD	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.605	24	169	4	76	21		
WEIGHT KG			1.605		169		76			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD2 - BK3 - P10	CREW: VTHẮNG - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3344	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	YUKHIMCHUK A.	TD2	76	1	11			82	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD2	81	1	13			64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH LUÂN	TD2	78	1	10			58	KH-THAC	Vietnamese
4	LE QUANG ĐẠO	TD2	79-80	2	17			77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	TD2	77	1	12			55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	TD2	75	1	15			138	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN KHÁC QUỐC	BK3	33	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN THAI	BK3	32	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ XUÂN THUY	BK3	36	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU QUYNH AN	BK3	34	1	4			104	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN SON	BK3	56-57	2	13	2	20	77	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LINH	BK3	35	1	5			70	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TOÁN	P10	21	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	16-17	2	12			72	KH-THAC	Vietnamese
15	LE CHI HIEU	P10	18	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	19	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC CUÔNG	P10	20	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HIEU LIEM	P10	26	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ HỮU NAM	P10	27	1	14			71	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN CHƯỜNG	P10	22	1	6	1	3	63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN MINH	P10	23	1	12			82	T-TIN	Vietnamese
22	TRẦN BAO CHƯỜNG	P10	25	1	7	1	15	66	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	6	474	7	78	0	0	0		
2	BK3	6	454	7	38	2	20	12		
3	P10	10	689	11	79	2	18	10		
TOTAL		22	1.617	25	195	4	38	22		
WEIGHT KG			1.617		195		38			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 10:30
B.CARD: VANG-2	TO:KNT - SAVR	CREW: MMINH - VUONG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3308	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI HONG SANG	KNT	19	1	15	2	27	94	XAYLAP	Vietnamese
2	THAI DUC DUNG	KNT	18	1	15	1	3	84	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN DUY PHU	KNT	26-27	2	11			72	NHATHAU	Vietnamese
4	HÔ NGOC VO	KNT	24-25	2	11			63	NHATHAU	Vietnamese
5	LE HUU THANG	KNT	20-23	4	20			69	NHATHAU	Vietnamese
6	NGUYEN VAN PHU	SAVR	49-50	2	12			68	DMC-MI	Vietnamese
7	NGO TRI HOANG	SAVR	62	1	10	4	53	69	XN DIA VA	Vietnamese
8	BUI BACH DUONG	SAVR	63	1	15			73	XN DIA VA	Vietnamese
9	ONG VAN NAM	SAVR	51	1	13			57	BAKER HUO	Vietnamese
10	LE CONG TRANG	SAVR	52-53	2	16			66	BAKER HUO	Vietnamese
11	ONG HUYNH DUC ANH	SAVR	54-55	2	12			74	BAKER HUO	Vietnamese
12	ĐINH TRAN DUC TRI	SAVR	56-57	2	15			61	BAKER HUO	Vietnamese
13	LE VAN NAM	SAVR	58-59	2	12			60	PV DRILLIN	Vietnamese
14	NGUYEN MANH CUONG	SAVR	60-61	2	18			64	PV DRILLIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	5	382	10	72	3	30	9		
2	SAVR	9	592	15	123	4	53	10		
TOTAL		14	974	25	195	7	83	19		
WEIGHT KG			974		195		83			

GRAND TOAL: 1.252 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

MÀU MẠNH MINH
TRẦN HÙNG VƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P11 - P1 - BK4 - MRM	CREW: HUNG - HTRUNG - VU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3342	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN NHAN	P11						62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU NGU	P11	32-33	2	13			68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TRAN HUU PHUC	P11	35	1	10			102	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN HUNG	P11	23	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
5	LE CONG NAM	P11	19	1	14			66	KH-THAC	Vietnamese
6	LE QUANG HUNG	P11	26	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN KHAN	P11	28	1	6			74	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN HAI TRUNG	P11	24	1	6			63	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN DINH CUONG	P11	29	1	5			73	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN NGUYEN	P11	30	1	5			65	PSV	Vietnamese
11	LE TRAN MINH KHANH	P11	31	1	6			61	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN HUY HOANG	P11	20	1	13			57	TRUONG V	Vietnamese
13	TRAN HOANG KHANH	P11	22	1	12			67	TRUONG V	Vietnamese
14	NGUYEN TUAN ANH	P11	27	1	10			52	TRUONG V	Vietnamese
15	LE VAN TAN	P11	25	1	10			59	TRUONG V	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DUNG	P11	24	1	10			76	TRUONG V	Vietnamese
17	NGUYEN VAN QUANG	P11	21	1	9			65	TRUONG V	Vietnamese
18	NGUYEN VAN DANG	BK4	52-53	2	13	4	65	82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO DANG DUC	BK4						70	KH-THAC	Vietnamese
20	LE HUNG CUONG	BK4	54	1	15			76	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM XUAN MANH	BK4	47	1	5			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	17	1.148	17	149	0	0	14		
2	P1	0	0	0	0	1	20	2		
3	BK4	4	295	4	33	4	65	4		
4	MRM	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.443	21	182	5	85	21		
WEIGHT KG			1.443		182		85			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

LÊ QUÝ HUNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: BK10 - P9	CREW: VTHẮNG - N.ANH - TOAN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3345	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	29	1	4	3	43	85	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	30	1	4			53	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10				2	19	83	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HOÀNG GIANG	BK10	27	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀNG TÂM	BK10	28	1	11			77	DUY LINH	Vietnamese
6	TRẦN VĂN DŨNG	P9	02-03	2	20			53	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ NAM TRUNG	P9	90	1	7	3	36	87	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CAO CHI	P9	04	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGHIÊM ANH THANH	P9	38	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HẢI	P9	93	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIỀN TÙNG	P9	91	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI THANH SƠN	P9	05-06	2	17	3	41	59	THIỆN NAM	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN LINH	P9	10	1	6			74	THIỆN NAM	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT THỊ	P9	08-09	2	19			65	THIỆN NAM	Vietnamese
15	PHAN VĂN HÙNG	P9	07	1	10			64	THIỆN NAM	Vietnamese
16	NGÔ VĂN THỰC	P9	59,11	2	17			70	THIỆN NAM	Vietnamese
17	LAKAS ABDELMADJID	P9	96-97	2	10			74	THIỆN NAM	Algeria
18	HICHAM KHOULED	P9	94-95	2	13			80	THIỆN NAM	Algeria
19	VƯƠNG KIẾN QUỐC	P9	36	1	9			77	DVL	Vietnamese
20	ĐỖ THÀNH TIẾN	P9	37	1	11			80	DVL	Vietnamese
21	ĐỖ QUANG TẠO	P9	58	1	10			73	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P9	92	1	5			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	5	378	4	26	5	62	4		
2	P9	17	1.201	23	176	6	77	18		
TOTAL		22	1.579	27	202	11	139	22		
WEIGHT KG			1.579		202		139			

GRAND TOAL: 1.920 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH

